

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CHO PHÉP NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ ĐÁP ỨNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM



VINAMILK

(Giấy CNĐKKD số 4103001932 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2003)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TPHCM

BẢN CÁO BẠCH NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Văn phòng giao dịch: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) – 9300 358 Fax : (08) 9305 206

Công ty Chứng khoán NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Ø *Trụ sở chính:* Tầng 10, VINCOM A, 191 Bà Triệu, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 22 00 673 Fax: (84-8) 22 00 669

Ø *Chi nhánh:* Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 91 42 956 Fax: (08) 82 18 510

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà MAI KIỀU LIÊN

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM



VINAMILK

(Giấy CNĐKKD số 4103001932 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2003)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Sữa Việt Nam
Mệnh giá:	10.000 đồng
Giá niêm yết dự kiến:	42.000 đồng
Tổng số lượng niêm yết:	159.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	1.590.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO)

Địa chỉ: Lầu 11–Trung tâm thương mại Sài Gòn – 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP HCM

Công ty Kiểm toán PriceWaterHouseCooper

Địa chỉ: Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Chứng khoán NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Ø *Trụ sở chính:* Tầng 10, VINCOM A, 191 Bà Triệu, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội

Ø *Chi nhánh:* Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

PHẦN I - NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4 -
1. Tổ chức đăng ký niêm yết.....	4 -
2. Tổ chức tư vấn niêm yết:	4 -
PHẦN II – CÁC KHÁI NIỆM	5 -
PHẦN III – TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	6 -
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6 -
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	9 -
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	12 -
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.....	17 -
5. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết.....	19 -
6. Hoạt động kinh doanh.....	19 -
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất.....	34 -
8. Vị trí của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	35 -
9. Chính sách đối với người lao động.....	37 -
10. Chính sách cổ tức.....	39 -
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	39 -
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc.....	44 -
13. Tài sản.....	58 -
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	59 -
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	61 -
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	61 -
17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty	62 -
PHẦN IV: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	
PHẦN V: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	
PHẦN VI: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	
PHẦN VII: THAY LỜI KẾT	

PHẦN I - NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Bà Mai Kiều Liên Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Bà Ngô Thị Thu Trang Phó Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Ông Lê Thành Liêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty và các Chi nhánh, Nhà máy của Công ty trong tương lai, cũng như đánh giá về quyền kèm theo chứng khoán niêm yết.

2. Tổ chức tư vấn niêm yết:

Ông Hồ Công Hưởng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Ông Nguyễn Quang Bảo Phó Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (VINAMILK). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sữa Việt Nam cung cấp.

PHẦN II – CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- ◆ UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ◆ TTGDCK: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
- ◆ Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
- ◆ Tổ chức tư vấn niêm yết: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)
- ◆ Tổ chức kiểm toán: Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)
- ◆ Công ty: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- ◆ Vinamilk: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- ◆ Cổ phiếu: Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- ◆ HĐQT: Hội đồng quản trị
- ◆ ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ◆ BKS: Ban kiểm soát
- ◆ VND: Đồng Việt Nam
- ◆ ISO: Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế
- ◆ HACCP: Hệ thống phân tích mối nguy hiểm và xác định kiểm soát trọng yếu
- ◆ FAO: Tổ chức Nông Lương thế giới
- ◆ LHQ: Liên hợp quốc

PHẦN III – TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Năm 1976, lúc mới thành lập, Công ty Sữa Việt Nam (VINAMILK) có tên là Công ty Sữa – Cà Phê Miền Nam, trực thuộc Tổng Cục thực phẩm, bao gồm 4 nhà máy thuộc ngành chế biến thực phẩm:

- Nhà máy Sữa Thống Nhất;
- Nhà máy Sữa Trường Thọ;
- Nhà máy Sữa Dielac;
- Nhà máy Cà Phê Biên Hoà.

Năm 1982, Công ty Sữa – Cà phê Miền Nam được chuyển giao về Bộ Công nghiệp thực phẩm và đổi tên thành Xí nghiệp Liên hiệp Sữa - Cà phê – Bánh kẹo I.

Năm 1989, Xí Nghiệp Liên Hiệp Sữa – Cà phê – Bánh kẹo I chỉ còn 3 nhà máy trực thuộc:

- Nhà máy Sữa Thống Nhất.
- Nhà máy Sữa Trường Thọ.
- Nhà máy Sữa Dielac.

Tháng 3/1992, Xí Nghiệp Liên Hiệp Sữa – Cà phê – Bánh kẹo I chính thức đổi tên thành Công ty Sữa Việt Nam (VINAMILK) - trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ, chuyên sản xuất, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.

Năm 1994, Công ty Sữa Việt Nam (VINAMILK) đã xây dựng thêm một nhà máy sữa ở Hà Nội để phát triển thị trường tại miền Bắc, nâng tổng số nhà máy trực thuộc lên 4 nhà máy:

- Nhà máy Sữa Thống Nhất
- Nhà máy Sữa Trường Thọ
- Nhà máy Sữa Dielac
- Nhà máy Sữa Hà Nội

Năm 1996, Xí nghiệp Liên doanh Sữa Bình Định tại Quy Nhơn ra đời, góp phần thuận lợi đưa sản phẩm Vinamilk phục vụ rộng khắp đến người tiêu dùng khu vực miền Trung.

Năm 2000, Công ty đã tiến hành xây dựng thêm:

- Nhà máy sữa Cần Thơ
- Xí nghiệp Kho vận;

Tháng 12/2003, Công ty chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Tháng 04/2004: Công ty sáp nhập nhà máy sữa Sài Gòn (SAIGONMILK), nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên 1.590 tỷ đồng

Tháng 06/2005: Công ty mua lại phần vốn góp của đối tác trong Công ty Sữa Bình Định và sáp nhập vào Vinamilk

Ngày 30/06/2005: Công ty khánh thành nhà máy sữa Nghệ An

Những thành tích đã đạt được:

Trải qua quá trình hoạt động và phát triển gần 30 năm qua, Vinamilk đã trở thành một doanh nghiệp dẫn đầu của ngành công nghiệp chế biến sữa tại Việt Nam. Những danh hiệu Vinamilk đã được nhận là:

- Danh hiệu Anh Hùng Lao Động.
- Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba.
- Liên tiếp đứng đầu “Topten hàng Việt Nam chất lượng cao” từ 1995 – 2004 (do bạn đọc báo Sài Gòn Tiếp Thị bình chọn).
- Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO – World Intellectual Property Organization) năm 2000 và năm 2004.
- Tháng 9/2005: Huân chương Độc lập hạng ba do chủ tịch nước Trần Đức Lương trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh 5 năm liền từ năm 2000 – 2004.

1.2. Giới thiệu về Công ty

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam được thành lập trên cơ sở quyết định số 155/2003QĐ-BCN ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Sữa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp

ngày 20/11/2003. Trước ngày 1 tháng 12 năm 2003, Công ty là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp.

- Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

- Tên viết tắt: VINAMILK

- Logo:



- Trụ sở: 36 - 38 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

- Văn phòng giao dịch: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (08) 9300 358 Fax: (08) 9305 206

- Web site: www.vinamilk.com.vn

- Email: vinamilk@vinamilk.com.vn

Vốn Điều lệ của Công ty Sữa Việt Nam hiện nay: 1.590.000.000.000 VND (Một ngàn năm trăm chín mươi tỷ đồng).

Cơ cấu Vốn điều lệ tại thời điểm 31/10/2005 là:

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	9.615.000	60,47%
- Cổ đông nội bộ	2.158.188	13,57%
- Cổ đông bên ngoài	4.126.812	25,95%
Tổng số vốn chủ sở hữu	15.900.000	100,00%

Cơ cấu Vốn điều lệ tại thời điểm 19/12/2005 (sau đợt bán cổ phần thuộc sở hữu nhà nước ra bên ngoài ngày 29/11/2005) là:

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	7.952.000	50,01%
- Cổ đông nội bộ	2.082.996	13,10%
- Cổ đông bên ngoài	5.865.004	36,89%
Tổng số vốn chủ sở hữu	15.900.000	100,00%

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng, bánh, sữa tươi, sữa đậu nành, nước giải khát và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hoá chất và nguyên liệu.
- Kinh doanh nhà, môi giới cho thuê bất động sản; Kinh doanh kho bãi, bến bãi; Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô; Bốc xếp hàng hoá;
- Sản xuất mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, café rang– xay– phin – hoà tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa.
- Phòng khám đa khoa.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty:

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

- Trụ sở: 36 - 38 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Văn phòng giao dịch: 184–186–188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 9300 358 Fax: (08) 9305 206

Sơ đồ 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC THEO HỆ THỐNG



2.1. Các đơn vị trực thuộc

STT	Đơn vị	Sản phẩm chính	Địa chỉ
1	Nhà máy Sữa Thống Nhất	Sữa đặc có đường, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, sữa chua uống, kem, bánh Flan, sữa đậu nành	12 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, TP HCM ĐT: (84.8) 8960725
2	Nhà máy Sữa Trường Thọ	Sữa đặc có đường, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, sữa đậu nành, nước ép trái cây, phômai, bánh flan	32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, TP HCM ĐT: (84.8) 896 0727
3	Nhà máy Sữa Sài Gòn	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua uống, sữa đậu nành, nhựa và thiếc in	Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, Q.12, TP HCM ĐT: (84. 8) 717 6355
4	Nhà máy Sữa Dielac	Sữa bột, bột dinh dưỡng dành cho trẻ em và người lớn, trà và cà phê.	Khu Công Nghiệp Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai ĐT: (84.61) 836 115
5	Nhà máy Sữa	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua,	Khu Công Nghiệp Trà Nóc,

	Cần Thơ	kem, bánh	TP Cần Thơ Tel: (84.71) 842 698
6	Nhà máy Sữa Bình Định	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, sữa chua uống, kem.	KV1- P Quang Trung, Tp Quy Nhơn, Bình Định ĐT: (84.56) 746 066
7	Nhà máy Sữa Nghệ An	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, nước ép trái cây	Đường Sào Nam, Nghi Thu, Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An Tel: (84.38) 949 032
8	Nhà máy Sữa Hà Nội	Sữa đặc có đường, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, kem, bánh flan	Xã Dương Xá, Gia Lâm, Tp. Hà Nội ĐT: (84.4) 827 6418
9	Xí nghiệp kho vận	Vận chuyển, giao nhận	32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, TP HCM ĐT: (84.8) 896 6673

2.2. Các chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Toà nhà VINCOM B, Hà Nội

Tel: (84.4) 9742 520 – 9742 512

Fax: (84.4) 9742 521

- Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 175 Triệu Nữ Vương, TP Đà Nẵng

Tel: (84.511) 897 222

Fax: (84.511) 897 223

- Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: 86D Hùng Vương, Q Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Tel: (84.71) 827 340

Fax: (84.71) 827 334

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định.

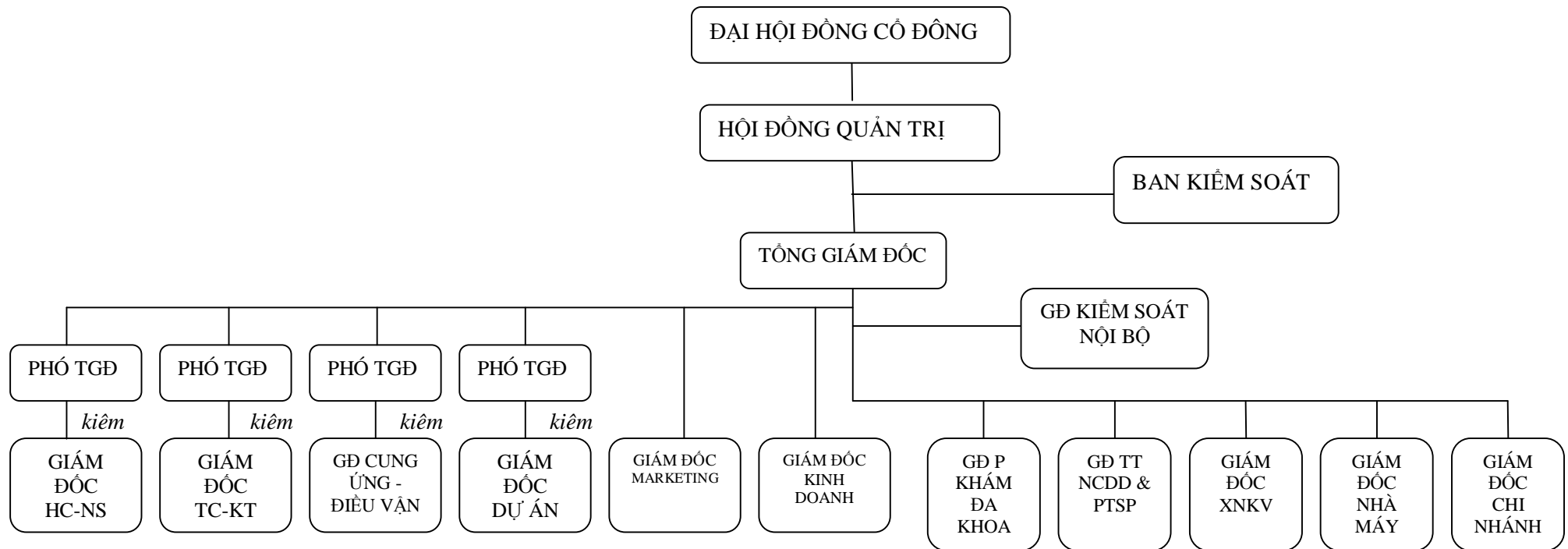
Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát: Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty

Tổng Giám đốc:

Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty

Sơ đồ 2: CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM



Phòng Kinh doanh:

- Thiết lập mục tiêu kinh doanh, xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh, theo dõi và thực hiện các kế hoạch kinh doanh;
- Nghiên cứu, xây dựng và phát triển mạng lưới kênh phân phối, chính sách phân phối, chính sách giá cả;
- Đề xuất các biện pháp về chiến lược sản phẩm;
- Phối hợp với phòng Kế hoạch để đưa ra các số liệu, dự đoán về nhu cầu thị trường.

Phòng Marketing:

- Hoạch định chiến lược xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm và nhóm sản phẩm, xây dựng chiến lược giá cả, sản phẩm, phân phối, khuyến mãi...
- Xây dựng và thực hiện các hoạt động marketing hỗ trợ nhằm phát triển thương hiệu;
- Phân tích và xác định nhu cầu thị trường để cải tiến và phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường;
- Thực hiện thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích dữ liệu liên quan đến thị trường và các đối thủ cạnh tranh;

Phòng Nhân sự:

- Điều hành và quản lý các hoạt động Hành chính và Nhân sự của toàn Công ty;
- Thiết lập và đề ra các kế hoạch và chiến lược để phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn cho Ban Giám đốc điều hành các hoạt động hành chính nhân sự
- Làm việc chặt chẽ với bộ phận Hành chính và Nhân sự của các Chi nhánh, Nhà máy nhằm hỗ trợ họ về các vấn đề về hành chính nhân sự một cách tốt nhất;
- Xây dựng nội quy, chính sách về hành chính và nhân sự cho toàn Công ty;
- Tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy chế, chính sách về hành chính, nhân sự phù hợp với thực tế của Công ty và với chế độ hiện hành của Nhà nước;
- Tư vấn cho nhân viên trong Công ty về các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của nhân viên trong Công ty.

Phòng Dự án:

- Lập, triển khai, giám sát dự án đầu tư mới và mở rộng sản xuất cho các nhà máy;

- Quản lý và giám sát tình hình sử dụng máy móc thiết bị, tài sản cố định;
- Quản lý và giám sát công tác xây dựng cơ bản toàn Công ty;
- Xây dựng, ban hành và giám sát định mức kinh tế kỹ thuật;
- Nghiên cứu, đề xuất các phương án thiết kế xây dựng dự án, giám sát chất lượng xây dựng công trình và theo dõi tiến độ xây dựng Nhà máy;
- Theo dõi công tác quản lý kỹ thuật;
- Lập kế hoạch và tổ chức đấu thầu để chọn lựa nhà cung cấp phù hợp, có chất lượng đáp ứng được tiêu chuẩn Công ty đề ra cho từng dự án.

Phòng Cung ứng điều vận

- Xây dựng chiến lược, phát triển các chính sách, quy trình cung ứng và điều vận;
- Thực hiện mua sắm, cung cấp toàn bộ nguyên nhiên liệu, vật tư kỹ thuật;
- Thực hiện các công tác xuất nhập khẩu cho toàn Công ty, cập nhật và vận dụng chính xác, kịp thời các quy định, chính sách liên quan do Nhà nước ban hành;
- Dự báo về nhu cầu thị trường giúp xây dựng kế hoạch sản xuất hàng nội địa và xuất khẩu hiệu quả;
- Nhận đơn đặt hàng của khách hàng, phối hợp chuyển cho Xí nghiệp Kho vận. Phối hợp với nhân viên Xí nghiệp Kho vận theo dõi công nợ của khách hàng;

Phòng Tài chính Kế toán:

- Quản lý, điều hành toàn bộ các hoạt động Tài chính kế toán;
- Tư vấn cho Ban Giám đốc về tình hình tài chính và các chiến lược về tài chính;
- Lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán;
- Lập dự toán ngân sách, phân bổ và kiểm soát ngân sách cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Dự báo các số liệu tài chính, phân tích thông tin, số liệu tài chính kế toán;
- Quản lý vốn nhằm đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và việc đầu tư của Công ty có hiệu quả.

Trung tâm Nghiên cứu Dinh dưỡng và Phát triển Sản phẩm:

- Nghiên cứu, quản lý, điều hành các nghiệp vụ liên quan đến sản phẩm mới, sản phẩm gia công, xuất khẩu và cải tiến chất lượng sản phẩm;
- Chịu trách nhiệm về công tác đăng ký công bố các sản phẩm, công tác đăng ký bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước;
- Xây dựng và giám sát hệ thống đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế và trong nước (ISO, HACCP);
- Thiết lập, quản lý, giám sát thực hiện quy trình công nghệ, quy trình sản xuất và quy trình đảm bảo chất lượng;
- Nghiên cứu và tìm hiểu thị trường, nhu cầu và thị hiếu người tiêu dùng để phát triển những sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

Phòng khám Đa khoa

- Khám, tư vấn dinh dưỡng và sức khỏe cho người bệnh (khách hàng), tư vấn các sản phẩm của Công ty cho khách hàng;
- Tư vấn dinh dưỡng gián tiếp cho khách hàng qua điện thoại hoặc cho thân nhân;
- Phối hợp với Trung tâm nghiên cứu dinh dưỡng và phát triển sản phẩm mới trong việc đưa ra các sản phẩm có thành phần dinh dưỡng phù hợp với các nhu cầu cần thiết của khách hàng.

Các nhà máy:

- Quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, HACCP;
- Quản lý toàn bộ cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, quản lý về vấn đề an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy;
- Thực hiện các kế hoạch sản xuất đảm bảo về số lượng và chất lượng.

Xí nghiệp Kho vận:

- Thực hiện việc giao hàng và thu tiền hàng theo các Hóa đơn bán hàng;
- Quản lý toàn bộ cơ sở vật chất, nguyên vật liệu, thành phẩm đảm bảo an toàn;
- Tiếp nhận, sắp xếp, bảo quản vật tư nguyên liệu nhập khẩu và nội địa, các sản phẩm do Công ty sản xuất;
- Kinh doanh kho, bến bãi, vận tải;
- Thực hiện công tác thu hồi công nợ, hỗ trợ theo dõi công nợ còn tồn đọng.

Các chi nhánh:

- Đề xuất, cải tiến sản phẩm về chất lượng, mẫu mã và đa dạng hóa sản phẩm;
- Xây dựng phương hướng hoạt động và phát triển của Chi nhánh;
- Giám sát việc thực hiện các quyết định, chủ trương, chính sách Công ty đề ra; Đảm bảo các hoạt động của Chi nhánh tuân thủ luật pháp và các quy định của Nhà nước;
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Phòng khám Tư vấn Dinh dưỡng tại Chi nhánh;
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Kế toán, Ban Cung ứng và điều vận;
- Quản lý tiền-hàng và cung ứng vận chuyển cho việc kinh doanh ngành hàng.

Phòng Kiểm soát Nội bộ

- Kiểm soát việc thực hiện quy chế, chính sách, thủ tục của Công ty đề ra tại các bộ phận trong Công ty nhằm phát hiện, ngăn chặn và khắc phục, giảm thiểu các rủi ro, cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của các bộ phận chức năng trong Công ty (Phòng kinh doanh ngành hàng, Phòng Hành chính nhân sự, Phòng Cung ứng điều vận, Phòng Tài chính kế toán, Xí nghiệp kho vận, các Nhà máy, Chi nhánh);
- Tham khảo và đề ra các chính sách xây dựng chương trình kiểm soát và lựa chọn phương pháp kiểm soát;
- Tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ và đột xuất cho Ban Giám đốc;
- Tư vấn cho Ban Giám đốc điều hành những phương án giải quyết các khó khăn của các Phòng ban nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng ban.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và cổ đông sáng lập:*4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần đến ngày 31/10/2005:*

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước		9.615.000	961.500	60,47%
2	F&N Dairy Investments Pte Ltd	438 Alexandra Road, Unit 21-00, Alexandra point, Singapore	800.000	80.000	5,03%
	Tổng cộng		10.415.000	1.041.500	65,50%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần đến ngày 19/12/2005 (sau đợt bán cổ phần thuộc sở hữu nhà nước ra bên ngoài ngày 29/11/2005) là:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước		7.952.000	795.200	50,01%
2	F&N Dairy Investments Pte Ltd	438 Alexandra Road, Unit 21-00, Alexandra point, Singapore	1.766.833	176.683,3	11,11%
	Tổng cộng		9.718.833	971.883,3	61,12%

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập đến ngày 31/10/2005:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Loại cổ phần
1	Đại diện chủ sở hữu Nhà nước a. Mai Kiều Liên b. Nguyễn Thị Thanh Hòa c. Nguyễn Thị Như Hằng d. Phan Chí Dũng	9.615.000	60,47%	Phổ thông
2	Đại diện các cổ đông Ngô Thị Thu Trang và 2.744 cổ đông khác	1.487.762	9,36%	Phổ thông
	Tổng cộng	11.102.762	69,83%	

Danh sách cổ đông sáng lập đến ngày 19/12/2005 (sau đợt bán cổ phần thuộc sở hữu nhà nước ra bên ngoài ngày 29/11/2005) là:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Loại cổ phần
1	Đại diện chủ sở hữu Nhà nước a. Mai Kiều Liên b. Nguyễn Thị Thanh Hòa c. Nguyễn Thị Như Hằng d. Phan Chí Dũng	7.952.000	50,01%	Phổ thông

2	Đại diện các cổ đông Ngô Thị Thu Trang và 2.409 cổ đông khác	2.307.224	14,51%	Phổ thông
	Tổng cộng	10.259.224	64,52%	

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1. *Danh sách công ty mẹ và công ty con của Vinamilk: không có*

5.2. *Danh sách Công ty Vinamilk đang nắm giữ quyền kiểm soát:*

Công ty liên doanh Campina:

Tên Công ty:	Công ty Liên doanh Campina
Địa chỉ:	Tầng 8, toà nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, P15, Q Bình Thạnh, TPHCM
Điện thoại:	08. 518 08 33
Vốn điều lệ:	1.350.000 USD
Giấy CNĐKKD số:	803/GP-HCM do chủ tịch UBND TPHCM cấp ngày 28/02/2005
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất và phân phối các sản phẩm sữa tại Việt Nam và xuất khẩu
Tỷ lệ vốn góp của Vinamilk:	50%

5.3. *Danh sách Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối Vinamilk: không có*

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Các nhóm sản phẩm của Công ty:

Các nhóm sản phẩm chính

- Sữa đặc, sữa vi
- Sữa tươi, sữa chua uống, su su

- Sữa bột, bột dinh dưỡng
- Bảo quản lạnh (kem, sữa chua, phô mai, bánh flan)
- Giải khát (đậu nành, nước trái cây, trà, nước tinh khiết)
- Thực phẩm (bánh quy, chocolate)
- Cà phê

a) Nhóm sữa đặc:

Đây là nhóm sản phẩm truyền thống của Vinamilk với các nhãn hiệu như: Ông Thọ, Ngôi Sao Phương Nam, sữa đặc chocolate, sữa đặc cà phê Moka, .v.v

Sữa đặc được chia thành hai dạng: sữa hộp và sữa vỉ 50g để thuận tiện cho người tiêu dùng.

b) Nhóm sữa tươi – Sữa chua uống:

Sữa tươi tiệt trùng của Vinamilk được sản xuất từ sữa bò tươi nguyên chất, được xử lý bằng phương pháp tiệt trùng UHT và không sử dụng chất bảo quản.

Nhãn hiệu: sữa tươi tiệt trùng Vinamilk, Milk, Smart, Flex

Sữa chua uống Yomilk

Sữa chua uống tiệt trùng được chế biến từ sữa bò tươi nguyên chất, được bổ sung thêm canxi, vitamin C hoặc chất xơ hòa tan chiết xuất từ thực vật nhằm hỗ trợ hệ tiêu hóa hoạt động tốt hơn.

Nhãn hiệu: Yomilk, YaO

Sữa chua kem Susu

c) Nhóm sữa bột – bột dinh dưỡng:

Sữa bột

Bao gồm các dòng sản phẩm sữa bột dành cho trẻ em, sữa bột dành cho bà mẹ trong giai đoạn mang thai và cho con bú, sữa bột canxi, và sữa bột dinh dưỡng đặc biệt dành cho người lớn tuổi.

Các nhãn hiệu: Dielac Mama, Dielac 1,2,3 Dielac Canxi Premier 2400, DielacSURE, Dielac Star ...

Bột dinh dưỡng

Bao gồm các sản phẩm bột dinh dưỡng truyền thống Ridielac, Ri-Advance và bột ăn dặm cao cấp bổ sung các dưỡng chất.

d) Nhóm hàng đông lạnh (sữa chua, fromage, bánh flan, kem)

Sữa chua

Sữa chua Vinamilk được làm từ men vi sinh sống, có lợi cho ruột giúp hỗ trợ hệ tiêu hóa. Sữa chua Vinamilk được chia làm các nhóm sản phẩm sữa chua truyền thống, sữa chua bổ sung thêm canxi, chất xơ và ít béo, và sữa chua kefir không đường với men kefir.

Nhãn hiệu: sữa chua Vinamilk, Vinamilk Plus, Kefir

Bánh Flan

Bánh Flan làm từ sữa, trứng, đường và được chế biến trên dây chuyền kỹ thuật hiện đại.

Kem

Kem Vinamilk bao gồm kem sữa tươi đóng trong bao bì hộp 1 lít hoặc 450ml dành cho gia đình, kem ly và kem cây mang nhãn hiệu Dinno dành cho thiếu nhi.

Nhãn hiệu: Familia, Dinno.

Fromage

Phô mai Bò Đeo Nơ được chế biến trên dây chuyền của Pháp, với hai loại: phô mai hộp 140 gram và phô mai vụn.

e) Nhóm giải khát:

Sữa đậu nành

Sữa đậu nành được chiết xuất từ đậu nành chọn lọc nên không có cholesterol, được đóng trong bao bì hộp, bịch giấy và chai nhựa.

Nhãn hiệu: Soya Milk, Soybe

Nước ép trái cây

Nước trái cây Fresh của Vinamilk có hàm lượng vitamin cao với các hương vị như Cam, Đào, Táo, Ổi, Mãng cầu, Nho, Bưởi, Dứa, Cam, Dâu, Cà rốt ...

Nước tinh khiết Vi@qua

Hiện đã có Vi@qua chai 500ml và bình lớn 19 lít.

Trà hoà tan Cooltea

Trà Cooltea với các hương vị trái cây tự nhiên: chanh, đào, dưa gang, me. Cooltea được đóng gói 20g phù hợp với 1 lần uống.

f) Nhóm thực phẩm:

Bánh quy dinh dưỡng Vinamilk được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế về dinh dưỡng, được nghiên cứu, phát triển dưới sự giám sát của Trung tâm Nghiên Cứu Phát Triển Sản phẩm Vinamilk

g) Cà phê:

Bao gồm cà phê rang xay và cà phê hòa tan.

Nhãn hiệu: Moment, True Coffee, Kolac

6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Doanh thu từng nhóm sản phẩm:

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2003		Năm 2004	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Noài ñòa				
Sữa đặc, sữa vi, sữa ký	1.168	44,5%	1.262	40,5%
Sữa tươi – Yomilk – susu	688	26,2%	773	24,8%
Sữa bột – BDD	401	15,2%	616	19,8%
Sữa chua	277	10,5%	347	11,1%
Nước ép, đậu nành, nước tinh khiết	67	2,5%	83	2,7%
Sản phẩm khác	26	1,0%	33	1,0%
Toảng noài ñòa	2.627	100,0%	3.114	100,0%
Xuaát khaáu	1.074		541	
TỔNG CỘNG	3.701		3.655	

6.3. Nguyên vật liệu

- Các nguyên vật liệu sử dụng trong nước như sữa bò tươi, đường tinh luyện, dầu thực vật, đậu nành hạt, café hạt...
- Nguyên liệu nhập khẩu: sữa bột, dầu bơ...

a) Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty:

STT	Nguyên liệu	Nhà cung cấp	Ghi chú
1	Bột sữa các loại	Hoogwegt	100% nguyên liệu nhập khẩu.
		Newzealand Milk Products	
		Olam International Ltd.	
2	Sữa tươi	Trung tâm Giống bò sữa Tuyên Quang	100% nguyên liệu nội địa.
		Hộ nông dân	
3	Đường	Công ty Thực phẩm công nghệ Tp.HCM	100% nguyên liệu nội địa. (Ghi chú: Riêng 10 tháng đầu năm 2005, đường nhập khẩu chiếm 0,6% lượng đường sử dụng)
		Công ty Đường Biên Hòa	
		Cty LD Mía đường Nghệ An	
		Cty Mía đường Bourbon – Tây Ninh	
		Olam International Ltd.	
		Itochu Corporation	
4	Thiếc các loại	Titan Steel Co.	7,6% nhập khẩu (10 tháng đầu năm 2005)
		Công ty Perstima Bình Dương	

b) Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

Nguồn nguyên vật liệu chính cho ngành chế biến sữa Việt Nam cũng như của Công ty Vinamilk được lấy từ hai nguồn chính: sữa bò tươi thu mua từ các hộ nông dân chăn nuôi bò sữa trong nước và nguồn sữa bột ngoại nhập. Hiện nay, sữa tươi thu mua từ các hộ dân cung cấp khoảng 25% nguyên liệu cho Công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng trong ngành chăn nuôi bò sữa, ngày 26/10/2001 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 167 về chính sách phát triển chăn nuôi bò sữa Việt Nam thời kỳ 2001-2010. Đồng thời bộ trưởng Bộ Công nghiệp cũng ra quyết định số 22/2005/QĐ-BCN phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Sữa Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Theo đó, chính phủ sẽ đẩy mạnh phát triển đàn bò sữa và phát triển công nghiệp chế biến sữa theo hướng tăng tỷ lệ sử dụng sữa bò tươi nguyên liệu trong nước và giảm tỷ lệ sữa bột nguyên liệu nhập khẩu, phần đầu đưa tỷ trọng

sữa bò tươi nguyên liệu sản xuất trong nước so với tổng lượng sữa bò tiêu thụ lên 40% vào năm 2010.

Bên cạnh việc hỗ trợ về mặt chính sách của Nhà nước, để ổn định và phát triển vùng nguyên liệu, đảm bảo cho sự phát triển bền vững, Công ty Vinamilk đã đầu tư 11 tỷ đồng xây dựng 60 bồn sữa và xưởng sơ chế có thiết bị bảo quản sữa tươi. Vinamilk là công ty đi đầu trong việc đầu tư vùng nguyên liệu có bài bản và theo kế hoạch. Từ mười năm nay, Công ty đã kiên trì theo đuổi việc phát triển đàn bò sữa với phương thức ứng trước tiền mặt và bao tiêu toàn bộ sản phẩm tiêu thụ theo mức bảo đảm có lợi cho người nuôi bò sữa. Lực lượng cán bộ kỹ thuật của Vinamilk thường xuyên đến các nông trại, hộ gia đình kiểm tra, tư vấn hướng dẫn kỹ thuật nuôi bò sữa cho năng suất và chất lượng cao nhất. Nhờ các biện pháp hỗ trợ, chính sách khuyến khích, ưu đãi hợp lý, Công ty Vinamilk đã giúp người nông dân gắn bó với Công ty và với nghề nuôi bò sữa, góp phần tăng đàn bò từ 35.000 con năm 2000 lên 107.600 con tháng 7 năm 2005. Điều này giúp Vinamilk có được nguồn nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng. Hiện nay mỗi ngày Vinamilk thu mua trung bình 260 tấn sữa tươi. Với đà phát triển này dự kiến đến năm 2010, vùng nguyên liệu sữa trong nước sẽ đáp ứng 50% nhu cầu của Công ty.

Như vậy, *nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính khá ổn định trong tương lai*, ngành sữa Việt Nam sẽ dần giảm tỷ trọng sữa nguyên liệu nhập khẩu, thay thế vào đó là nguồn nguyên liệu sữa bò tươi, đảm bảo chất lượng sản phẩm sữa cho người tiêu dùng và góp phần thúc đẩy các ngành hỗ trợ trong nước.

Các nguyên vật liệu phụ khác hiện đang được cung cấp từ các nhà sản xuất trong nước. Số lượng các công ty sản xuất các nguyên liệu như đường, đậu nành hạt, bao bì... ở Việt Nam hiện nay rất đa dạng và với mức giá cạnh tranh. Do vậy không có bất cứ hạn chế nào về lượng đối với nguồn nguyên vật liệu này

c) Sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Giá các sản phẩm sữa trên thị trường thế giới đã tăng trong suốt cả năm 2004. Chỉ số giá của FAO (1990-92=100) đối với sản phẩm sữa đạt 156 điểm trong tháng 11/2004, tăng 26% so với tháng 11/2003, và đạt mức cao nhất kể từ năm 1990 là năm chỉ số giá của FAO bắt đầu được tính. Giá tăng chủ yếu do nhu cầu tăng ở Châu Á trong bối cảnh nguồn cung xuất khẩu bị hạn chế và giảm trợ cấp xuất khẩu ở các nước EU.

Đối với từng loại sản phẩm, giá xuất khẩu của các sản phẩm đã tăng như sau: phomat tăng 33%, bơ tăng 28%, sữa bột tách bơ tăng 20% và sữa bột nguyên chất tăng 17%.

Bảng 1: Giá sản phẩm sữa nhập khẩu (USD/tấn FOB)

Sản phẩm	2003	2004		
	Tháng 11	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11
Sữa bột tách bơ	1.829	2.100	2.138	2.188
Sữa bột nguyên chất	1.853	2.100	2.113	2.175
Phomat “Cheddar”	2.075	2.763	2.763	2.763
Bơ	1.554	1.850	1.900	1.988

(Nguồn: FAO báo cáo tháng 12/2004)

Giá trên thị trường sữa quốc tế biến động theo nguồn cung cầu. Trợ cấp xuất khẩu hàng nông sản cũng ảnh hưởng lớn đến biến động giá nguyên liệu. Kể từ đầu năm 2004, trợ cấp của EU đã giảm từ 82 USD/tấn xuống còn 38 USD trong tháng 11/2004 đối với sữa bột tách bơ, từ 225 USD xuống còn 170 USD đối với bơ.

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng 60% – 70% giá thành sản phẩm nên tình hình giá nguyên vật liệu tăng 20% - 30% đã ảnh hưởng đến sản xuất của các công ty trong nước. Do sự biến động giá nguyên liệu chính nên thị trường sữa trong nước cũng đồng loạt tăng giá. Tuy vậy, nhờ giảm nguyên liệu nhập khẩu và thay thế được 25% nguyên liệu nội địa nên giá bán sản phẩm của Vinamilk chỉ tăng khoảng 5-10% tùy từng loại.

Dự báo giá sữa nguyên liệu trên thị trường thế giới sẽ vẫn ở gần mức cao hiện nay về ngắn hạn, song hiện đang có những tín hiệu về nguồn cung sẽ tăng, có thể sẽ giảm sức ép giá tăng cao trong năm 2006 (*Food Outlook, No4, Dec. 2004*).

d) Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguồn nguyên vật liệu:

Mục tiêu đặt ra

Đối với nguồn nguyên liệu sữa bò tươi:

- Mở rộng quy mô các vùng nguyên liệu sữa bò tươi nhằm thay thế dần nguồn nguyên liệu nhập khẩu.
- Bảo đảm vệ sinh an nguyên liệu từ khâu chăn nuôi, khai thác sữa, bảo quản, vận chuyển đến sản xuất;
- Đảm bảo giải quyết đầu ra sản phẩm sữa bò tươi cho nông dân nuôi bò sữa, góp phần tăng nhanh đàn bò sữa tại thành phố Hồ Chí Minh và cả nước theo “Định

hướng phát triển bò sữa đến năm 2010” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Cụ thể, Vinamilk dự định tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ nông dân nhằm phát triển nguồn nguyên liệu và nâng tỷ trọng sữa bò nguyên liệu trong nước lên khoảng 50% trên tổng lượng sữa nguyên liệu đưa vào sản xuất hàng năm trong vòng từ 3 – 5 năm tới.

Chính sách hỗ trợ các hộ nông dân chăn nuôi bò sữa

Với các mục tiêu đề ra như trên, Công ty sẽ tiếp tục việc hỗ trợ nông dân chăn nuôi bò sữa các chính sách sau:

- Hỗ trợ nông dân vay vốn mua con giống để phát triển chăn nuôi bò sữa; hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi giúp nông dân nâng cao chất lượng con giống, chất lượng chuồng trại, đồng cỏ... và cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm sữa bò tươi cho nông dân.
- Đầu tư phát triển mô hình trang trại chăn nuôi bò sữa kiểu mẫu với kỹ thuật hiện đại, làm điểm tham quan học tập cho các trang trại và hộ gia đình chăn nuôi bò sữa; hỗ trợ vốn và hợp tác với các địa phương để tạo ra những vùng nuôi bò sữa theo công nghệ tiên tiến.
- Phối hợp với các công ty và chuyên gia nước ngoài để mở rộng các chương trình khuyến nông; hội thảo, tập huấn về cách nuôi và chăm sóc bò sữa, cung cấp thức ăn hỗn hợp, các vật dụng cần thiết trong chăn nuôi bò sữa với giá cả ưu đãi cho các hộ giao sữa cho Công ty.
- Trước tình hình giá thức ăn chăn nuôi có nhiều biến động, Công ty tăng giá thu mua từ 3.500 đồng/kg lên 4.200 đồng/kg.
- Công ty cũng khuyến khích những hộ chăn nuôi giao sữa trực tiếp và có chất lượng tốt bằng cách cộng tiền thưởng 50 đ/kg trên tổng lượng sữa giao trong 04 tuần liên tiếp.

Nhờ tổ chức tốt khâu thu mua, sản lượng sữa tươi thu mua trong nước của Vinamilk mỗi năm một tăng. Nếu như năm 2000, Công ty chỉ mua được hơn 50.848.619 kg, năm 2001: 63.186.000 kg, năm 2002: 73.200.000 kg, năm 2003: 85.663.683. Năm 2004, Công ty thu mua được 89 triệu lít sữa bò tươi nguyên chất trong nước, tăng 4,1% so với năm 2003. Trong 9 tháng đầu năm 2005, Công ty đã thu mua 70 triệu lít sữa bò, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2004.

Đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu sữa bò tươi

Tính đến nay, Vinamilk đã xây dựng hơn 70 trạm trung chuyển sữa tươi nguyên liệu, với lượng sữa thu mua trên 260 tấn/ngày, chiếm hơn 80% lượng sữa tươi trong cả nước.

Công ty đã đầu tư hệ thống kiểm tra chất lượng sữa bò tươi và xây dựng một đội ngũ Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm (KCS) làm nhiệm vụ kiểm tra chất lượng ngay từ khâu đầu vào của nguyên liệu. Công ty cũng tổ chức tập huấn cho đội ngũ nhân viên này về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm (tập huấn về HACCP), giúp thông tin tư vấn kịp thời cho nông dân về chất lượng sữa.

6.4. Chi phí sản xuất

Tình hình thực hiện chi phí luôn được xem xét cẩn thận để có thể giảm chi phí thấp nhất, làm tăng lợi nhuận cho Công ty.

Quy trình kiểm soát chi phí được tiến hành ngay từ khâu thu mua nguyên vật liệu đến khâu bán hàng. Đặc biệt, trong quá trình sản xuất, để giảm mức tiêu hao nguyên liệu, Công ty thiết lập các định mức kỹ thuật đối với từng sản phẩm. Hàng tháng, bộ phận kế toán quản trị theo dõi được chi phí sản xuất thông qua các báo cáo định kỳ về chi phí sản xuất của từng đơn vị, báo cáo phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu... Dựa trên các báo cáo này, giúp Công ty kiểm soát chi phí tốt hơn trong các tháng sản xuất tiếp theo. Các báo cáo đều được các cấp quản lý của Công ty xem xét thường xuyên.

Do quản lý chi phí khá tốt nên chi phí sản xuất của Công ty có tính cạnh tranh cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty:

DVT: triệu đồng

	Yếu tố chi phí	Năm 2003		Năm 2004		30/09/2005	
		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	2.666.326	69,99%	2.846.703	75,41%	3.547.866	77,95%
2	Chi phí bán hàng	412.886	10,84%	397.852	10,54%	537.481	11,81%
3	Chi phí QLDN	90.894	2,39%	89.237	2,36%	60.040	1,32%
	Tổng chi phí	3.170.106	83,22%	3.333.791	88,31%	4.145.386	91,08%

Ghi chú: Yếu tố chi phí năm 2003 là tổng các yếu tố chi phí trước và sau khi cổ phần hoá trong năm 2003

6.5. Trình độ công nghệ

Trong thời gian qua, Vinamilk đã không ngừng đổi mới công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao công tác quản lý và chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Công nghệ sản xuất sữa, các sản phẩm từ sữa và bột dinh dưỡng là công nghệ hiện đại nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm. Hiện nay Vinamilk sở hữu những dây chuyền sản xuất hiện đại nhất tại Việt Nam. Toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị của Công ty đều dựa trên công nghệ tiên tiến của các nước trên thế giới.

Các dây chuyền sản xuất chính gồm:

1. **Dây chuyền sữa đặc có đường:** công suất 260 triệu hộp/năm. Công ty đang có kế hoạch nâng cấp để nâng công suất lên hơn 290 triệu hộp/năm
2. **Dây chuyền sữa tươi tiệt trùng – Yomilk – nước trái cây – sữa đậu nành:** công suất 237 triệu lít/năm. Công ty đang có kế hoạch đầu tư thêm một số máy rót để nâng khả năng khai thác.
3. **Dây chuyền sữa chua:** công suất khoảng 56 triệu lít/năm. Công ty đang có kế hoạch nâng cấp cho các dây chuyền tại nhà máy Cần Thơ, Sài Gòn, Nghệ An
4. **Dây chuyền sữa bột – bột dinh dưỡng:** công suất khoảng 18 nghìn tấn/năm.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay, Vinamilk đã đưa ra thị trường hơn 200 loại sản phẩm sữa và các sản phẩm từ sữa.

Hoạt động nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm và nghiên cứu phát triển sản phẩm được Công ty đặc biệt quan tâm. Chiến lược của Công ty đối với hoạt động nghiên cứu sản phẩm gồm 2 mục tiêu lớn sau:

a) Đa dạng hóa sản phẩm, phát triển thành một tập đoàn thực phẩm mạnh của Việt Nam

Vinamilk tiếp tục chiến lược đa dạng hoá sản phẩm thông qua việc xây dựng hệ thống sản phẩm phong phú, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của mọi đối tượng khách hàng từ trẻ sơ sinh đến người lớn. Ngoài ra, Công ty xác định đa dạng hoá sản phẩm để tận dụng công nghệ thiết bị sẵn có, tận dụng hệ thống phân phối để phát triển, tiến tới trở thành một tập đoàn thực phẩm mạnh tại Việt Nam.

Nhằm đa dạng hoá mặt hàng kinh doanh, Công ty đã mở rộng thêm hai lĩnh vực sản xuất bia và cà phê. Nhà máy bia có công suất ban đầu là 50 triệu lít/năm và sẽ tăng công suất lên đến 100 triệu lít/năm. Nhà máy chế biến cà phê có quy mô khoảng 1500 tấn cà phê hoà tan/năm và 2500 tấn cà phê rang xay/năm. Dự kiến 2 nhà máy này xây dựng trong vòng 18 tháng.

b. Liên kết để thâm nhập vào thị trường cao cấp

Trong chiến lược phát triển dài hạn, Vinamilk sẽ kết hợp với một số các tập đoàn thực phẩm hàng đầu thế giới để cùng nhau hợp tác đầu tư tại Việt Nam với mục tiêu thu hút nguồn vốn và chất xám cho Vinamilk nói riêng và Việt Nam nói chung, đồng thời thúc đẩy việc mở rộng thị trường của Vinamilk trong nước cũng như quốc tế.

Tháng 3/2005 Vinamilk đã hợp tác liên doanh với tập đoàn Campina, một tập đoàn sữa lớn nhất Châu Âu của Hà Lan, đây là tập đoàn có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và quảng bá các sản phẩm cao cấp trên thế giới. Liên doanh này sẽ sản xuất các sản phẩm sữa và bột sữa dinh dưỡng cao cấp với những thương hiệu mới nhằm cạnh tranh với các sản phẩm cao cấp của các tập đoàn đa quốc gia đang có mặt tại thị trường Việt Nam.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Sữa là thực phẩm dinh dưỡng, đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của con người; do đó, vấn đề chất lượng sữa luôn được Công ty đặt lên hàng đầu.

- Công ty luôn chú trọng đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ ở tất cả các khâu, từ nguyên liệu, chế biến, thành phẩm, đến bảo quản và vận chuyển...
- Các thiết bị cũ, lạc hậu đã được thay thế bằng thiết bị tiên tiến, hiện đại như thiết bị sản xuất sữa UHT, sữa đặc, sữa chua hũ, sữa bột và bột dinh dưỡng, sữa chua uống, nước ép, kem, bánh...
- Trong quá trình đầu tư, Công ty luôn hướng tới tính hiện đại, tính đồng bộ, lựa chọn các nước có công nghệ và thiết bị ngành sữa phát triển như Thụy Điển, Mỹ, Đan Mạch, Hà Lan, Đức, Thụy Sĩ.
- Công ty coi trọng yếu tố chuyển giao công nghệ và coi đó là bí quyết của sự thành công. Từ chỗ áp dụng công nghệ thích nghi, chuyển dần sang làm chủ công nghệ và cải tiến cho phù hợp vào điều kiện trong nước.

- Ngoài ra, Công ty đang triển khai hệ thống công nghệ thông tin toàn Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngày một không ngừng của Vinamilk.

Năm 1999, Công ty áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002 và hiện nay đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000, là phiên bản mới nhất trên thế giới hiện nay. Công ty còn thực hiện tiêu chuẩn HACCP do SGS Hà Lan chứng nhận cho tất cả các nhà máy. Điều này đảm bảo rằng Vinamilk luôn đề cao chất lượng trong quản lý nhằm sản xuất ra những sản phẩm chất lượng cao, sẵn sàng thoả mãn mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước và giữ vững vị trí dẫn đầu trong ngành công nghiệp chế biến sữa tại Việt Nam.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất của Công ty bao gồm:

- Phòng Quản lý Chất lượng tại Công ty
- Phòng Kiểm tra Chất lượng tại nhà máy

Phòng Quản lý Chất lượng thuộc Công ty có trách nhiệm đề ra các yêu cầu kỹ thuật của nguyên vật liệu và thành phẩm, công bố chất lượng các loại sản phẩm theo luật định, quản lý và theo dõi hồ sơ công bố chất lượng.

Phòng Kiểm tra Chất lượng tại nhà máy thực hiện việc kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào, các thông số quá trình chế biến, phân tích các sản phẩm cuối cùng, kết luận cho xuất hàng nếu lô hàng đã đạt các chỉ tiêu đề ra

Quy trình thực hiện kiểm tra:

- Phòng Quản lý Chất lượng đề ra yêu cầu kỹ thuật;
- Bộ phận xuất nhập khẩu mua hàng theo yêu cầu kỹ thuật đã đề ra;
- Các nguyên vật liệu nhập ngoại phải được kiểm tra và xác nhận của Cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm;
- Phòng Kiểm tra Chất lượng tại các nhà máy kiểm tra chất lượng tất cả nguyên vật liệu trước khi đưa vào sản xuất. Trong quá trình sản xuất tất cả các thông số chế biến như nhiệt độ, thời gian, áp suất... đều được lưu trữ;
- Sản phẩm cuối cùng phải được phân tích các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh. Kết quả phân tích phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố mới được phép xuất hàng.

c) Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm:

An toàn vệ sinh thực phẩm là một trong những chính sách chất lượng hàng đầu mà Vinamilk đặt ra trong hoạt động kinh doanh. Tất cả các nhà máy của Vinamilk đều xây dựng và áp dụng hệ thống HACCP về an toàn vệ sinh thực phẩm, các nhà máy đã được các tổ chức quốc tế như SGS, BVQI đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt hệ thống HACCP theo tiêu chuẩn RVA của Hà Lan. Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm được Công ty thực hiện nghiêm túc từ khâu lựa chọn nguyên vật liệu đến khâu thành phẩm.

- Đối với nguyên vật liệu: Công ty ban hành các yêu cầu kỹ thuật trong đó nhấn mạnh đến các yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài các tính chất lý hóa, các nguyên vật liệu còn phải đáp ứng các yêu cầu của Bộ Y tế về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng, hàm lượng độc tố vi nấm, phụ gia thực phẩm, v.v.
- Trong quá trình sản xuất: tất cả các thông số chế biến đều phải đáp ứng các yêu cầu như trong phân tích mối nguy của hệ thống HACCP, các điểm kiểm soát quan trọng đều được nhân viên vận hành theo dõi và ghi báo cáo. Hồ sơ lưu các thông số phải được lưu trữ đến hết thời hạn sử dụng của sản phẩm.
- Đối với thành phẩm: Phòng Kiểm tra Chất lượng của nhà máy sẽ kiểm tra từng lô hàng sản xuất theo thủ tục quy định. Khi kết quả kiểm tra đạt yêu cầu kết hợp với việc xem xét các thông số quá trình chế biến nhà máy mới kết luận cho xuất hàng. Hồ sơ kiểm tra cho từng lô hàng phải được lưu trữ đến hết thời hạn sử dụng của sản phẩm. Định kỳ mẫu các loại sản phẩm phải được gửi đến cơ quan chức năng để phân tích để đánh giá mức độ phù hợp của hệ thống.

6.8. Hoạt động Marketing

a) Hoạt động xây dựng thương hiệu:

Thương hiệu là yếu tố tiên quyết để Vinamilk tồn tại và phát triển. Do vậy, Vinamilk đã và đang đầu tư xây dựng thương hiệu để giữ được vị trí của mình trên thị trường:

- Công ty tập trung cho việc chuyên nghiệp hóa tất cả các bộ phận, từ bộ phận marketing, quản lý thương hiệu đến phân phối.
- Các bộ phận thiết kế, nghiên cứu và phát triển cũng như bán hàng, sản xuất, tiếp thị... đều nhất quán trong chính sách xây dựng thương hiệu, phối hợp chặt chẽ để đảm bảo tính thống nhất trong thực hiện chính sách phát triển thương hiệu.

- Tất cả nhãn hiệu của Vinamilk đều có nhân sự chịu trách nhiệm quản lý để theo dõi.
- Công ty tăng cường việc sử dụng các công ty tư vấn, công ty PR...
- Công ty cũng đầu tư mạnh cho công tác đào tạo kiến thức về quản trị thương hiệu cho những vị trí này (tham gia các khoá đào tạo về quảng cáo, thương hiệu của Vietnam Marcom, thuê chuyên gia Thụy Điển, Singapore huấn luyện riêng...).
- Khẩu hiệu “Chất lượng quốc tế, chất lượng Vinamilk” đã và đang trở nên quen thuộc đối với người tiêu dùng trong nước.

b) Hoạt động quảng cáo, tiếp thị:

Hoạt động marketing mạnh mẽ thông qua các chương trình quảng cáo truyền hình, tham gia hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao, tổ chức sự kiện và thực hiện tài trợ chính cho các cúp bóng đá thiếu niên nhi đồng hàng năm, tài trợ chương trình giải trí trên truyền hình v.v Qua đó hình ảnh và thương hiệu của Vinamilk được biết đến rộng rãi và trở thành thương hiệu được ưa thích trên thị trường.

c) Quan hệ cộng đồng (PR):

Một số hoạt động mang tính chất cộng đồng:

- Tài trợ 750 triệu đồng cho quỹ học bổng “Vinamilk uơm mầm tài năng trẻ Việt Nam”.
- Hàng ngàn suất học bổng cho học sinh giỏi các trường trên cả nước.
- Thực hiện nhiều chương trình tư vấn dinh dưỡng miễn phí cho khách hàng, thực hiện các chuyên đề giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho bà mẹ mang thai và trẻ em trên truyền hình.
- Khám sức khỏe cho học sinh ở nhiều tỉnh thành.
- Cấp phát sữa miễn phí cho các em suy dinh dưỡng độ 2.
- Ủng hộ 500 triệu đồng cho Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.
- Phụng dưỡng 18 Mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa tình thương trị giá 1,1 tỷ đồng.
- Tặng Mặt trận tổ quốc TP HCM 120 triệu đồng xây dựng 20 căn nhà tình thương.
- Đầu tư 2 tỷ đồng mỗi năm cho chương trình “Phòng chống suy dinh dưỡng quốc gia”...

d) Mạng lưới phân phối:

Hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty trải rộng khắp lãnh thổ Việt Nam, từ các tỉnh thành đến những quận huyện vùng sâu duyên hải, miền núi.

Hệ thống phân phối của Công ty thông qua các kênh chủ yếu sau:

Kênh Truyền thống: đây là kênh phân phối chủ lực, hiện đang phân phối hơn 90% sản lượng của Công ty. Kênh Truyền thống được thực hiện thông qua các nhà phân phối đến các điểm bán lẻ trên cả nước. Hiện nay Công ty có 220 Nhà phân phối với hơn 90.000 điểm bán lẻ có mặt trên khắp 64/64 tỉnh thành trong cả nước.

Kênh Hiện đại: thông qua các siêu thị, khối văn phòng, xí nghiệp, khối phục vụ ...

Hệ thống các cửa hàng Giới thiệu sản phẩm của Công ty: đến nay Công ty đã phát triển được 16 Cửa hàng Giới thiệu Sản phẩm tại các thành phố lớn như Hà Nội, TPHCM, Cần Thơ, Đà Nẵng,...

Ngoài thị trường trong nước, Công ty đã xuất khẩu sản phẩm đến một số nước trên thế giới trong nhiều năm qua. Hiện nay Công ty có các nhà phân phối chính thức trên thị trường quốc tế tại Mỹ, Châu Âu, Úc và Thái Lan và đang trong giai đoạn thiết lập hệ thống phân phối chính thức các sản phẩm của Công ty ở thị trường Campuchia và một số nước lân cận trong khu vực.

e) Chính sách giá:

Đối với từng kênh bán lẻ: Công ty có hệ thống giá riêng biệt phù hợp với đặc tính kinh doanh của từng kênh nhằm đáp ứng mua hàng của người tiêu dùng được thỏa mãn nhất.

Đối với nhà phân phối: nhà phân phối được chỉ định phân phối sản phẩm của Công ty theo chính sách giá nhất định ra thị trường và thu lợi nhuận từ hoa hồng, sản phẩm.

Nhìn chung, chính sách giá của Công ty khá hợp lý. Lợi thế cạnh tranh cách biệt so với những sản phẩm cùng loại chính là lợi thế tuyệt đối trong việc đáp ứng đa số các nhu cầu của người tiêu dùng ở mọi nơi, mọi giới và mọi tầng lớp

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu đăng ký:

Vinamilk

Logo:



Thời gian bảo hộ:	10 năm
Giấy phép số:	4-2004-06246
Ngày cấp:	25/06/2004
Cơ quan cấp:	Cục sở hữu trí tuệ
Nội dung bảo hộ:	Màu sắc: Trắng và Xanh dương, trong hình tròn là chữ VNM viết cách điệu nối liền nhau trên một dòng sữa.
Đã đăng ký bảo hộ tại các nước:	Châu Âu, Mỹ, Iraq, Úc, Lào, Campuchia, Hongkong

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2003	Năm 2004	9 tháng 2005
Tổng giá trị tài sản	2.631.571	2.554.708	2.967.632
Doanh thu thuần	3.809.414	3.775.183	4.551.226
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	713.622	450.346	437.260
Lợi nhuận khác	108.525	11.203	39.814
Lợi nhuận trước thuế	822.147	461.549	477.074
Lợi nhuận sau thuế	512.466	461.549	477.074
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (13 tháng)		45,00%	

(Ghi chú: cổ tức trả cho 13 tháng từ tháng 12/2003 đến 12/2004 là 232,6 tỷ, lợi nhuận 13 tháng là 517,6 tỷ)

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2004

Doanh thu thuần trong năm 2004 là 3.775 tỷ đồng, giảm so với doanh thu năm 2003. Doanh thu năm 2004 giảm do doanh thu xuất khẩu giảm vì ảnh hưởng của chiến tranh Irắc, đây là thị trường xuất khẩu chủ lực của công ty. Đây là một nguyên nhân bất khả kháng. Để giảm bớt ảnh hưởng vì nhân tố này, Công ty đã đề ra chiến lược phát triển trong những năm

sắp tới là đa dạng hoá sản phẩm và thị trường. Hiện nay sản phẩm của Công ty được xuất khẩu sang Mỹ, Châu Âu, Úc, Irắc, Thái Lan...

Lợi nhuận sau thuế năm 2004 giảm so với lợi nhuận sau thuế năm 2003 là 50,9 tỷ đồng. Giá nguyên vật liệu trong năm 2004 tăng cao là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận giảm trong năm 2004.

8. Vị trí của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

Vị thế của Công ty trong ngành:

Trong những năm qua, mặc dù chịu sự cạnh tranh của các sản phẩm sữa trong và ngoài nước, song bằng nhiều nỗ lực của mình, Vinamilk đã duy trì được vai trò chủ đạo của mình trên thị trường trong nước và cạnh tranh có hiệu quả với các nhãn hiệu sữa của nước ngoài. Doanh thu nội địa tăng trung bình hàng năm khoảng 20% - 25%. Theo kết quả bình chọn 100 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam (Do Báo Sài Gòn Tiếp thị tổ chức), Vinamilk là thương hiệu thực phẩm số 1 của Việt Nam chiếm thị phần hàng đầu, đạt tốc độ tăng trưởng 20 – 25%/năm, được người tiêu dùng tín nhiệm và liên tiếp được bình chọn là sản phẩm đứng đầu TOPTEN hàng Việt Nam chất lượng cao 8 năm liền 1997-2004. Một trong những thành công của Vinamilk là đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng nhu cầu của tất cả các đối tượng khách hàng từ trẻ sơ sinh, trẻ em, thanh thiếu niên, người lớn, người có nhu cầu đặc biệt.

Những lợi thế cạnh tranh nổi bật của Vinamilk so với các doanh nghiệp khác trong ngành:

- Thương hiệu Vinamilk đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng;
- Các sản phẩm của Vinamilk đa dạng, nhiều chủng loại, sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của nhiều độ tuổi khác nhau;
- Vinamilk sản xuất quy mô lớn với hệ thống các nhà máy sữa trên cả nước;
- Công nghệ sản xuất hiện đại, áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế.

a) Vị thế của nhóm sản phẩm Vinamilk trên thị trường:

§ Nhóm Sữa bột – bột dinh dưỡng:

- Sữa bột:

Các sản phẩm sữa bột của Công ty luôn được nghiên cứu và phát triển nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu phát triển ngày một tăng của

người tiêu dùng. Nhờ có sự nghiên cứu phát triển sản phẩm không ngừng mà doanh thu của nhóm sữa bột có mức tăng trưởng hàng năm khoảng trên 30%/năm.

Thị trường sữa bột tại thị trường trong nước đang diễn ra cạnh tranh cao giữa các sản phẩm nhập khẩu và các sản phẩm được sản xuất trong nước... Tuy nhiên, nhóm sản phẩm này vẫn tiếp tục tăng trưởng do nhu cầu của người dân và trẻ em Việt Nam ngày càng tăng.

- Bột dinh dưỡng:

Ngành hàng bột dinh dưỡng nhìn chung bình ổn hơn vì thị trường chỉ có sự tham gia của vài nhà sản xuất nổi tiếng như Vinamilk, Nestlé. Ngoài ra, thị trường còn có sự tham gia của bột dinh dưỡng nhập khẩu như Gerber (Đức)... nhưng thị phần không đáng kể. Đây là một lợi thế cho Vinamilk phát triển mạnh ở phân khúc này.

§ Sữa đặc

Trên thị trường hiện nay chỉ có 02 nhãn hiệu chính là Vinamilk và Dutch Lady. Các sản phẩm sữa đặc của Vinamilk đã trở thành sản phẩm quan trọng trong mọi gia đình như Sữa đặc Ông Thọ, Sữa đặc Ngôi Sao Phương Nam, nhờ vậy mức tăng trưởng doanh thu của nhóm sữa này khá ổn định, khoảng 15%/năm.

§ Nhóm sản phẩm sữa tươi, sữa chua ...

Thị trường sữa tươi, sữa chua hiện nay khá phong phú và đa dạng, bao gồm các sản phẩm được sản xuất trong nước và nhập khẩu. Sữa tươi đang trở thành một sản phẩm dinh dưỡng không thể thiếu trong mọi gia đình. Do vậy, sự hấp dẫn này đã tạo nên một thị trường cạnh tranh khốc liệt giữa các sản phẩm trong nước cũng như các sản phẩm nhập khẩu. Các đối thủ cạnh tranh như: Dutch Lady, F & N, Pepsi, Unipresident, Dutch Mill, Hanoimilk, ELOVI, Nutifood, Tân Việt Xuân, Lothamilk... Tuy nhiên, do những ưu thế về tiềm lực tài chính, trình độ công nghệ, khả năng phát triển sản phẩm mới đa dạng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng và hệ thống phân phối nên sản lượng và doanh thu của các nhóm sản phẩm này vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu của Công ty.

b) Triển vọng phát triển của ngành:

Theo ước tính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, nếu năm 1990 lượng sữa tiêu thụ bình quân/người/ năm chỉ đạt 0,47 kg thì năm 2000 đạt 6,5 kg, năm 2001 là 7,0 kg, năm 2003 tăng lên 8,2 kg và năm 2005 là 9 kg. Như vậy, so với năm 1990 sức tiêu thụ sữa của nước ta tăng gấp 19 lần vào năm 2005, tổng lượng sữa tiêu thụ quy ra sữa tươi tương

đương 900.000 tấn. Với tốc độ phát triển kinh tế của đất nước và sự cải thiện chất lượng cuộc sống người dân hiện nay, nước ta đặt mục tiêu nâng mức sữa tiêu dùng bình quân/đầu người/năm đạt 10 kg vào năm 2010, năm 2020 bình quân đạt 20 kg/người/năm và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh thúc đẩy làm tăng nhanh sản xuất sữa trong nước, cả nguyên liệu và thành phẩm. Sản lượng sữa nguyên liệu sản xuất trong nước năm 2000 đạt 54.000 tấn, năm 2001 đạt 68.000 tấn, năm 2003 đạt 85.000 tấn và ước tính năm 2005 đạt 110.000 tấn. So với lượng sữa tiêu dùng thì sản xuất sữa nguyên liệu trong nước chỉ đáp ứng khoảng 15% - 18% nhu cầu, còn lại phải nhập khẩu nguyên liệu.

Thị trường xuất khẩu sữa lớn nhất là Irắc, chiếm trên 90% tổng giá trị xuất khẩu các sản phẩm sữa Việt Nam. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của chiến tranh Irắc, tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường này đang sụt giảm từ năm 2003 đến nay. Theo ý kiến của một số chuyên gia, sự suy giảm này chỉ mang tính tạm thời, dự kiến giá trị xuất khẩu sang thị trường Irắc sắp tới sẽ phần nào hồi phục khi tình hình chính trị tại đây dần đi vào ổn định.

Như vậy, với tình hình tiêu thụ và sản xuất sữa nguyên liệu, ngành sữa Việt Nam còn rất nhiều cơ hội để phát triển. Tốc độ tăng trưởng ngành sữa Việt Nam dự đoán sẽ được duy trì ở mức 20%/ năm. Hiện nay ngành sữa trong nước có năng lực sản xuất ra nhiều chủng loại sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường. Ngành sữa cần tập trung phát triển ngành sản xuất nguyên vật liệu và phát triển ngành chăn nuôi để nâng cao tỷ lệ nguyên vật liệu nội địa trong sản phẩm.

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với phân tích về triển vọng phát triển của ngành sữa như trên, thì định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới. Định hướng đó là phát triển đàn bò sữa và ngành công nghiệp sữa nhằm thay thế một phần nguyên liệu nhập khẩu đồng thời nâng mức sữa bình quân đầu người lên trong những năm tới và xuất khẩu ra thị trường thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2005 là 3.927 người. Cơ cấu lao động phân theo trình độ được thể hiện dưới bảng sau:

Phân theo trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
- Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học:	1.495	38,07%
- Cán bộ có trình độ trung cấp:	316	8,05%
- Lao động có tay nghề:	1.930	49,15%
- Lao động phổ thông:	186	4,73%
Tổng cộng:	3.927	100%

9.2. Chính sách đối với người lao động

Với chiến lược phát triển hiện nay, Vinamilk xác định yếu tố “con người” sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của Công ty.

Chính sách đối với người lao động

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, thu nhập của người lao động ngày càng cải thiện. Ngoài thu nhập từ lương, người lao động còn có thêm thu nhập từ lợi nhuận được chia theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty nếu Công ty làm ăn có lãi.
- Thực hiện đầy đủ, quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với quy định của pháp luật.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.
- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển Công ty nhằm gia tăng về chất.
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực

Công ty đặt mục tiêu đầu tư đào tạo nguồn nhân lực tri thức cao. Một số hoạt động đào tạo Công ty đã và đang thực hiện:

- Công ty đã và đang chuẩn bị cho nguồn nhân lực trình độ cao trong tương lai bằng cách gửi con em cán bộ, công nhân viên sang học ở các ngành công nghệ sữa và các sản phẩm từ sữa, tự động hóa quy trình công nghệ và sản xuất, máy móc thiết bị sản

xuất thực phẩm, quản lý trong ngành sữa. Đến nay, Công ty đã hỗ trợ cho hơn 50 con em của cán bộ công nhân viên đi học theo diện này.

- Công ty tuyển sinh viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh và đưa đi du học chuyên ngành ở nước ngoài.
- Những cán bộ công nhân viên có yêu cầu học tập cũng được Công ty hỗ trợ 50% học phí cho các khóa nâng cao trình độ và nghiệp vụ.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty.

Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức 70% số cổ tức dự kiến.

Cổ tức năm 2004 là 15%/năm trên mệnh giá, tương đương 15.000 đồng/cổ phiếu. Mức cổ tức dự kiến trong năm 2005 là 17 %/năm.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao tài sản cố định:

Ngày 12/12/2003, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 206/2003/QĐ-BTC thay thế cho Quyết định 166/1999/QĐ-BTC quy định các tỷ lệ khấu hao được áp dụng tại Việt Nam. Công ty đã áp dụng Quyết định mới này kể từ ngày 01/01/2004; tuy nhiên việc áp dụng này

không làm thay đổi các tỷ lệ khấu hao được áp dụng cho các năm trước đó. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3-8

Mức lương bình quân:

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2005 là 4.275.000 đồng/người/tháng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay.

Các khoản phải nộp theo luật định

DVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	01/12/2003 – 31/12/2004
Thuế GTGT hàng bán nội địa	86.412.159
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	152.177.959
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.848.035
Thuế xuất nhập khẩu	152.618.323
Thuế nhà đất	184.368
Các loại thuế khác	41.106.371
TỔNG CỘNG	459.347.215

Số liệu phải nộp ngân sách này là số liệu của năm tài chính 2004 và tháng 12/2003

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư và phát triển: được trích lập 10% từ lợi nhuận sau thuế;

- Quỹ dự phòng tài chính: trích lập 5% từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ trích nộp cho đến khi quỹ dự phòng tài chính bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty;
- Quỹ khen thưởng – phúc lợi: được trích lập 10% từ lợi nhuận sau thuế.

Tình hình trích lập các quỹ tại Công ty năm 2004 như sau:

DVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2004	Tỷ lệ
Quỹ đầu tư phát triển	46.154.881	10%
Quỹ dự phòng tài chính	23.077.440	5%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	46.154.881	10%

Tổng dư nợ vay

DVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2004	30/9/2005
Vay ngắn hạn	3.281.634	729.252
Vay dài hạn	20.000.000	22.674.568
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000	3.115.493

Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu:

DVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2004		30/9/2005
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số
Phải thu khách hàng	85.310.099	2.037.434	695.807.236
Trả trước cho người bán	63.289.383		83.565.526
Phải thu khác	34.238.174	2.000.000	243.806.061

Các khoản phải trả:

ĐVT: ngàn đồng

Chi tiêu	Năm 2004		30/9/2005	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải trả cho người bán	206.350.569		165.098.894	
Người mua trả tiền trước	1.183.583		900.282	
Phải trả công nhân viên	140.305.634		70.227.784	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27.081.714		13.676.554	
Các khoản phải trả khác	190.873.279		358.008.955	

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2003	Năm 2004
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,20	3,06
+ Hệ số thanh toán nhanh		
TSLĐ – Hàng tồn kho	1,57	1,71
Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,41	0,27
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,68	0,38
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán	4,44	3,66
Hàng tồn kho bình quân		
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,45	1,48
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,13	0,12
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,33	0,25

+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,19	0,18
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,19	0,12

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc:**12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:***a) Chủ tịch HĐQT – Bà Mai Kiều Liên:*

<i>Họ và tên:</i>	Mai Kiều Liên
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	01/9/1953
<i>Nơi sinh:</i>	Pari, Cộng hoà Pháp
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Vị Thanh – Cần Thơ
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	5/84 Nơ Trang Long, Q.Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	08-82 44 228
<i>Trình độ văn hóa:</i>	Đại học
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư Công nghệ chế biến Sữa
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ <i>Từ 8/1976 – 8/1980:</i>	- Kỹ sư – Phụ trách khối Sản xuất sữa đặc và sữa chua Nhà máy Sữa Trường Thọ.
+ <i>Từ 8/1980 – 02/1982:</i>	- Kỹ sư Công nghệ - Phòng Kỹ thuật Xí nghiệp liên hiệp Sữa Cà phê Bánh kẹo I.
+ <i>Từ 02/1982 -9/1983:</i>	- Trợ lý Giám đốc, Phó Giám đốc kỹ thuật Nhà máy Sữa Thống Nhất.
+ <i>Từ 9/1983 – 6/1984:</i>	- Học Quản lý kinh tế tại Liên Xô.
+ <i>Từ 7/1984 – 11/1992:</i>	- Phó Tổng giám đốc Công ty Sữa Việt Nam.
+ <i>Từ 12/1992 đến nay:</i>	- Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam;
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam.
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005):</i>	2.403.750 cổ phần Nhà nước 11.340 cổ phần cá nhân
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005):</i>	1.988.000 cổ phần Nhà nước 11.340 cổ phần cá nhân
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

Những người có liên quan:

Em: Mai Quang Liêm, nắm giữ 1.555 cổ phần cá nhân

b) Thành viên HĐQT – Ông Phan Chí Dũng:

Họ và tên:	Phan Chí Dũng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/08/1957
Nơi sinh:	Thành phố Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	16 Trương Hán Siêu – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04- 93 62 182
Trình độ văn hóa:	Lớp 10 hệ 10 năm
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:	
+ Từ 1979 – 1980:	- Cán bộ phòng tài vụ Công ty May Thăng Long
+ Từ 1980 – 1982:	- Cán bộ vụ Tài chính Kế toán Bộ Công nghiệp nhẹ
+ Từ 1982 – 1984:	- Bộ đội thuộc C34 sư đoàn 323
+ Từ 1984 – 1995:	- Cán bộ Vụ Tài chính Kế toán. Năm 1994 được bổ nhiệm là vụ phó vụ TCKT Bộ Công nghiệp nhẹ
+ Từ 10/1995 – 6/2003:	- Được bổ nhiệm làm kế toán trưởng Tổng Công ty Dệt May Việt Nam
+ Từ 7/2003 đến nay:	- Vụ trưởng vụ Công nghiệp Tiêu dùng và Thực phẩm
Chức vụ công tác hiện nay:	- Vụ trưởng vụ Công nghiệp Tiêu dùng và Thực phẩm
Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005):	2.403.750 cổ phần Nhà nước 0 cổ phần cá nhân
Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005):	1.988.000 cổ phần Nhà nước 0 cổ phần cá nhân
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với	Không

Công ty:

Những người có liên quan: Vợ: Lê Cẩm Vân, nắm giữ 500 cổ phần.cá nhân

c) Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hoà

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 20/02/1955

Nơi sinh: Đức Phổ – Quảng Ngãi.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phổ Thạch – Đức Phổ – Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 14/9 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 08- 93 05 186

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm

Quá trình công tác:

- + Từ 11/1978 – 6/1983: - Cán bộ giảng dạy – trường Đại học Bách Khoa TP.HCM.
- + 7/1983 – 6/1991: - Kỹ sư Công nghệ - Nhà máy Sữa Trường Thọ.
- + 7/1991-11/1999: - Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy Sữa Trường Thọ.
- + 12/1999 – 31/12/2004: - Phó Tổng Giám đốc Cty Sữa Việt Nam;
- + 01/01/2005 – nay: - Phó Tổng Giám đốc Cty Sữa Việt Nam kiêm Giám đốc Cung ứng Điều vận

Chức vụ công tác hiện nay: - Thành viên HĐQT Công ty Sữa Việt Nam.
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005): 2.403.750 cổ phần Nhà nước
7.360 cổ phần cá nhân

Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005): 1.988.000 cổ phần Nhà nước
7.360 cổ phần cá nhân

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Em: Nguyễn Minh Ân, nắm giữ 2.456 cổ phần cá nhân

d) Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Như Hằng:

Họ và tên: Nguyễn Thị Như Hằng

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 14/09/1959

Nơi sinh: Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Khánh Điền – Diên Khánh – Khánh Hoà

Địa chỉ thường trú: Lô X-07 KP 2 Tân Quy Đông, P.Tân Phong, Q.7, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 08-82 44 228.

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 9/1981 – 7/2001: - Chuyên viên hành chính, Phó Văn phòng, Phó phòng Tiêu Thu- Cty Sữa Việt Nam.

+ Từ 8/2001 – 12/2002: - Giám đốc Xí nghiệp Kho vận

+ Từ 01/2003 đến nay: - Phó Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam;

Chức vụ công tác hiện nay: - Thành viên HĐQT Công ty Sữa Việt Nam
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005): 2.403.750 cổ phần Nhà nước
6.180 cổ phần cá nhân

Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005): 1.988.000 cổ phần Nhà nước
6.180 cổ phần cá nhân

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Em: Nguyễn Thị Liên Phượng, nắm giữ 1.000 cổ phần.

e) Thành viên HĐQT – Bà Ngô Thị Thu Trang:

<i>Họ và tên:</i>	Ngô Thị Thu Trang
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	20/04/1963
<i>Nơi sinh:</i>	Hạnh Thông Xã – Gia Định
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Bình Dương
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	100/2 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	08-82 44 228
<i>Trình độ văn hóa:</i>	Đại học
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ <i>Từ 1985 – 1994:</i>	- Chuyên viên Phòng Kế toán Thống kê Công ty Sữa Việt Nam
+ <i>Từ 01/1995-12/1997:</i>	- Phó phòng, Quyền Trưởng phòng Kế toán Thống kê Công ty Sữa Việt Nam.
+ <i>Từ 01/1998-02/1998</i>	- Trưởng phòng Kế toán Thống kê Công ty Sữa Việt Nam.
+ <i>Từ 02/1998 – 03/2005:</i>	- Kế toán trưởng Công ty Sữa Việt Nam;
+ <i>Từ 03/2005 đến nay:</i>	- Phó Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam.
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	- Thành viên HĐQT Công ty Sữa Việt Nam - Phó Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005):</i>	6.810 cổ phần cá nhân
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005):</i>	6.810 cổ phần cá nhân
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Không có

f) Thành viên HĐQT – Ông Dominic Scriven:

Họ và tên: **Dominic Scriven**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 18/ 9/ 1963

Nơi sinh: Luân Đôn, Anh

Quốc tịch: Anh

Dân tộc: Anh

Quê quán: Anh

Địa chỉ thường trú: 65 Đường Xuân Thủy, Thảo Điền, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 08- 82 39 355

Trình độ văn hóa: Đại học Luật và Xã Hội học

Trình độ chuyên môn: Tài chính – chứng khoán

Quá trình công tác:

+ *Từ 1985 – 1986:* - Công tác tại M&G Investment Management – chức vụ Trợ lý cho các giám đốc quản lý quỹ đầu tư trong bộ phận chuyên trách đầu tư khu vực châu Âu và Đông Nam Á.

+ *Từ 1986 – 1988:* - Công tác tại Citicorp Investment Bank, thành lập và phụ trách giao dịch chứng khoán của ba quỹ đầu tư: Thailand Fund, Seoul International Trust và Korea International Trust; phụ trách tư vấn giao dịch chứng khoán tại các nước Đông Nam Á.

+ *Từ 1989 – 1991:* - Giám đốc đầu tư tại Công Ty Quản Lý Quỹ Sun Hung Kai.

+ *Từ 1993 – 1994:* - Giám đốc đầu tư tại Tập Đoàn Peregrine, Việt Nam.

+ *Từ 1994 đến nay:* - Cổ đông sáng lập và Giám đốc điều hành Công Ty Dragon Capital.

<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	<ul style="list-style-type: none">- Giám đốc điều hành Công Ty Dragon Capital Group Ltd.- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Dành cho các Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh (VPB)- Thành viên HĐQT Công ty Đồ hộp Hạ Long- Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh PDD- Thành viên HĐQT Công ty Cơ Điện Lạnh REE- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Vận tải biển Thái Bình Dương
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005):</i>	Đại diện cho công ty Amersham Industries Ltd nắm giữ 344.132 cổ phần.
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005):</i>	Đại diện cho công ty Amersham Industries Ltd nắm giữ 394.132 cổ phần.
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Không có

g) Thành viên HĐQT – Ông Huang Hong Peng:

<i>Họ và tên:</i>	Huang Hong Peng
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	15/05/1959
<i>Nơi sinh:</i>	Singapore
<i>Quốc tịch:</i>	Singapore
<i>Dân tộc:</i>	Hoa
<i>Quê quán:</i>	Singapore
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	31 Balmoral Park, #03-31, Singapore 239858
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	63189271
<i>Trình độ văn hóa:</i>	- Vận chuyển hàng không, Trường Ecole National de L'aviation Civile, Toulouse
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	- nt -
<i>Quá trình công tác:</i>	- Phó Giám đốc khu vực, Trung Quốc, tập đoàn APBL
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	- Giám đốc điều hành (COO) Công ty Food & Beverage, tập đoàn Fraser & Neave
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005):</i>	Đại diện cho Công ty Food & Beverage nắm giữ 800.000 cổ phần
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005):</i>	Đại diện cho Công ty Food & Beverage nắm giữ 1.766.833 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Không có

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:*a) Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Nguyễn Việt Cường:*

<i>Họ và tên:</i>	Nguyễn Việt Cường
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	27/10/1976
<i>Nơi sinh:</i>	Hải Phòng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Nam Hà
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	B21 cư xá Tân Sơn – Trường Chinh – P13 – Tân Bình – TP HCM
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	08-82 19 930
<i>Trình độ văn hóa:</i>	Đại học
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng Chuyên viên Kế toán – Kiểm toán Quốc tế
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ <i>Từ 1998 – 2002:</i>	- Kiểm toán viên cao cấp, Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế KPMG
+ <i>Từ 2003 – 2004:</i>	- Kế toán Quản trị, Công ty TNHH Unilever Bestfoods Việt Nam
+ <i>Từ 2004 đến nay:</i>	- Trưởng phòng Đầu tư, Công ty VinaCapital Investment Management Ltd.
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	- Trưởng phòng Đầu tư, Công ty VinaCapital Investment Management Ltd
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005):</i>	Đại diện công ty Asia Value Investment Ltd. nắm giữ 30.865 cổ phần.
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005):</i>	Đại diện công ty Asia Value Investment Ltd. nắm giữ 194.965 cổ phần.
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

Những người có liên quan: Không có

b) Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Nguyễn Việt Hà:

Họ và tên:	Nguyễn Việt Hà
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	16/12/1976
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	P103, nhà 5 tập thể Viện Công Nghệ, 219 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04-93 50 250
Trình độ văn hóa:	Cử nhân Kinh tế Ngoại thương (ĐH Ngoại Thương Hà Nội) Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (ĐH Tổng hợp Miami – Florida, Mỹ)
Trình độ chuyên môn:	Tài chính – Đầu tư
Quá trình công tác:	
+ Từ 1/2002 – 4/2002:	- Chuyên viên phòng Tín dụng, Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội
+ Từ 4/2002 đến nay:	- Phó Chủ tịch, Giám đốc Đầu tư, Công ty Tài chính Indochina Capital
Chức vụ công tác hiện nay:	- Phó Chủ tịch, Giám đốc Đầu tư, Công ty Tài chính Indochina Capital
Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005):	Đại diện Công ty Tài chính Indochina Capital nắm giữ 58.280 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005):	Đại diện Công ty Tài chính Indochina Capital nắm giữ 60.303 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan:	Không có

c) Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Seow Han Yong:

<i>Họ và tên:</i>	Seow Han Yong, Justin
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	22/01/1973
<i>Nơi sinh:</i>	Singapore
<i>Quốc tịch:</i>	Singapore
<i>Dân tộc:</i>	Hoa
<i>Quê quán:</i>	Singapore
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	320B Anchorvale Drive, #09-116, Singapore 542320
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(65) 6532 6332
<i>Trình độ văn hóa:</i>	Cử nhân Khoa học Xã hội về Kinh tế - Đại học Quốc gia Singapore
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Phân tích tài chính
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 1998 – 1999:	- Officer, Sime Bank
+ Từ 1999 đến nay:	- Trưởng Bộ phận Nghiên cứu, Arisaig Partners (Asia) Pte. Ltd.
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Giám đốc, Công ty Arisaig Partners (Asia) Pte. Ltd.
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 31/10/2005):</i>	Đại diện Công ty Arisaig Partners (Asia) nắm giữ 350.000 cổ phần
<i>Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 19/12/2005):</i>	Đại diện Công ty Arisaig Partners (Asia) nắm giữ 350.000 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Không có

12.3 Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

a) Tổng Giám đốc – Bà Mai Kiều Liên:

Xem lý lịch phần a của Hội đồng quản trị.

b) Phó Tổng Giám đốc – Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà:

Xem lý lịch phần c của Hội đồng quản trị.

c) Phó Tổng Giám đốc – Bà Nguyễn Thị Như Hằng:

Xem lý lịch phần d của Hội đồng quản trị.

d) Phó Tổng Giám đốc – Bà Ngô Thị Thu Trang:

Xem lý lịch phần e của Hội đồng quản trị.

13. Tài sản

Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty (thời điểm 30/09/2005)

NHÀ XƯỞNG, VẬT KIẾN TRÚC, MMTB :

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
I	NHÀ MÁY	1.145.764.029.213	494.510.759.340	43,2%
1	Nhà máy sữa Cần Thơ	72.352.589.685	40.679.098.557	56,2%
2	Nhà máy sữa Dielac	140.479.618.029	72.782.801.970	51,8%
3	Nhà máy sữa Hà Nội	163.408.282.896	45.453.981.146	27,8%
4	Nhà máy sữa Thống Nhất	168.606.796.476	32.624.496.199	19,3%
5	Nhà máy sữa Trường Thọ	290.974.501.587	52.965.506.495	18,2%
6	Nhà máy sữa Sài Gòn	195.246.250.717	156.741.220.024	80,3%
7	Nhà máy sữa Bình Định	51.757.936.518	30.754.402.544	59,4%
8	Nhà máy sữa Nghệ An	62.938.053.305	62.509.252.405	99,3%
II	VĂN PHÒNG	39.179.098.329	24.708.681.330	62,7%
III	XÍ NGHIỆP, CHI NHÁNH	68.821.140.782	29.810.775.785	43,3%
1	Chi nhánh Cần Thơ	5.916.492.948	2.314.364.795	29,8%
2	Chi nhánh Đà Nẵng	4.388.553.347	930.528.925	21,1%
3	Chi nhánh Hà Nội	17.798.782.628	8.900.640.344	43,6%
4	Xí nghiệp kho vận	40.717.311.859	17.665.241.721	42,8%
	TỔNG CỘNG	1.253.764.268.324	549.030.216.455	43,4%

ĐẤT ĐAI

STT	Khoản mục	Diện tích	Năm bắt đầu	Thời hạn (năm)	Ghi chú
1	Nhà máy sữa Thống Nhất	27.101	1/1996	50	Thuê
2	Nhà máy sữa Trường Thọ	40.000			Đang làm lại hồ sơ thuê
3	Nhà máy sữa Cần Thơ	20.290	10/1997	25	Thuê
4	Nhà máy sữa Dielac	33.811	08/2003	46	Thuê
5	Nhà máy sữa Sài Gòn	34.004	10/2001	47	Thuê
6	Nhà máy sữa Hà Nội	25.131	01/1996	20	Thuê
7	Nhà máy sữa Bình Định	29.332	06/2001	30	Thuê
8	Nhà máy sữa Nghệ An	43.700	10/2002	49	Thuê
9	Mỹ Phước	398.475	02/2004	48	Thuê
10	Nhà máy Bắc Ninh	140.000	05/2005	48	Thuê
11	Nhà máy sữa Đà Nẵng	100.000	04/2005	45	Thuê
12	Xí nghiệp Kho vận	59.277			Mua

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007		Năm 2008	
	Triệu đồng	Triệu đồng	% tăng giảm so với 2006	Triệu đồng	% tăng giảm so với 2007
Tổng giá trị tài sản	3.134.800	3.348.844	6,83%	3.664.222	9,42%
Doanh thu thuần	6.326.168	7.153.679	13,08%	8.117.852	13,48%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	550.300	550.674	0,07%	676.000	22,76%
Lợi nhuận khác	0	0		0	0
Lợi nhuận trước thuế	550.300	550.674	0,07%	676.000	22,76%
Lợi nhuận sau thuế	550.300	550.674	0,07%	581.360	5,57%
LNST/Doanh thu thuần	8,70%	7,70%		7,16%	
LNST/Vốn chủ sở hữu	23,77%	21,87%		21,30%	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	49,12%	49,09%		46,49%	
Cổ tức(%)	17%	17%		17%	

Kế hoạch đầu tư

Với tốc độ tăng trưởng của Công ty, nhận định nhu cầu tiêu thụ sữa tại thị trường nội địa còn ở giai đoạn phát triển và cùng với chiến lược thâm nhập vào thị trường quốc tế, Công ty có kế hoạch đầu tư mới một số dây chuyền sản xuất, xây dựng nhà máy. Đồng thời để mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty cũng đầu tư vào một số lĩnh vực mới. Kế hoạch đầu tư phát triển như sau:

- Xây dựng thêm các nhà máy sữa ở một số địa phương có tiềm năng phát triển về thị trường tiêu thụ và có nguồn nguyên liệu sữa bò tươi.
- Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và trang thiết bị cho các đơn vị hiện có.
- Xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm mới như bia, cà phê...
- Liên doanh xây dựng cao ốc nhằm đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.

STT	Hạng mục	Giải ngân 2006	Giải ngân 2007	Giải ngân 2008	Đầu tư 2006 – 2008
	TỔNG CỘNG (triệu đồng)	917.195	458.319	280.735	1.656.248
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ 2005	785.576	370.480	230.735	1.386.791
1	Nhà máy bia – Bình Dương	183.000	138.922		321.922
2	NM Sữa Tiên Sơn	128.013	146.442		274.455
3	Nhà máy sữa Đà Nẵng	7.500		230.735	238.235
4	Quy hoạch tổng thể KCN Mỹ Phước	168.315			168.315
5	Nhà máy cà phê Sài Gòn	119.566			119.566
6	Mở rộng nhà máy sữa Hà Nội	6.000	70.738		76.738
7	Dây chuyền lon nắp Thống Nhất	48.832			48.832
8	Đầu tư chiều sâu 2005	34.732			34.732
9	NM Sữa Tuyên Quang	28.517			28.517
10	Tổng kho nguyên liệu thành phẩm	23.572			23.572
11	Nhà máy sữa Bình Định	7.863	13.497		21.359
12	Dây chuyền sữa chua hũ SGMILK	15.971	-		15.971
13	Nhà 36-38 NĐK	8.000	-		8.000
14	Xử lý nước thải Dielac	4.993	881		5.874
15	Đầu tư chiều sâu Saigonmilk	704			704
II	ĐẦU TƯ MỚI	106.997	37.839	0	144.837
1	Nhà máy sữa Cần Thơ	26.092	17.933		44.024
2	Nhà máy Dielac	24.438	19.080		43.518
3	Nhà máy sữa Bình Định	16.115	-		16.115

4	Xí nghiệp Kho vận	9.436	-		9.436
5	Nhà máy Trường Thọ	8.041	-		8.041
6	Chi nhánh Cần Thơ	5.166	-		5.166
7	Nhà máy sữa Thống Nhất	3.945	-		3.945
8	Chi nhánh sữa Hà Nội	2.843	-		2.843
9	Nhà máy sữa Sài Gòn	1.768	827		2.595
10	Nhà máy sữa Hà Nội	1.550	-		1.550
11	Nhà máy sữa Nghệ An	1.085	-		1.085
12	Chi nhánh Đà Nẵng	700	-		700
13	Kinh phí phát triển hệ thống IT	5.818	-		5.818
III	SỬA CHỮA 2006, ĐẦU TƯ, SỬA CHỮA TSCĐ 2007 – 2008	24.621	50.000	50,000	124,621

(Ghi chú: Tỷ giá USD/VND = 15,900)

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Sữa Việt Nam cùng với việc phân tích thị trường sữa trong nước và thế giới. Công ty Chứng khoán Đầu tư cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Vinamilk dự kiến trong giai đoạn từ năm 2006 – 2008 là có thể đạt được nếu không chịu những ảnh hưởng của những sự kiện bất khả kháng.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

DVT: USD

Khoản mục	Còn thanh toán	Thời hạn	Ghi chú
Hợp đồng thuê đất KCN Mỹ Phước	\$2.700.000	31/12/2005	Tiền đền bù giải phóng mặt bằng
	\$1.777.125	31/12/2006	
Hợp đồng thuê đất KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh	\$826.327	tháng 5/2006	Phí cơ sở hạ tầng
	\$864.174	tháng 5/2007	

17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết

Công ty hiện không có các tranh chấp, kiện tụng có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết

PHẦN IV - CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết: 159.000.000 cổ phiếu

4. Giá dự kiến niêm yết: 42.000 đồng/ cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến của Vinamilk được tính dựa theo các phương pháp tính giá trị cổ phiếu như phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp so sánh, v.v Ngoài ra, giá này còn được căn cứ trên:

- Giá trúng cao nhất theo kết quả đấu giá bán cổ phần ngày 17/02/2004
- Giá thị trường trung bình tuần 1 tháng 11 năm 2005, đã điều chỉnh giảm 7,8%
- Giá khởi điểm của đợt bán đấu giá cổ phần Nhà nước tháng 11 năm 2005.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu niêm yết của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông là người nước ngoài tại Công ty hiện nay là 28,74 % (đến thời điểm 19/12/2005)

7. Các loại thuế có liên quan

Theo Thông tư 74/2000/TT-BTC ngày 19/07/2000 hướng dẫn thi hành Quyết định số 39/2000/QĐ-TT ngày 27/03/2000 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối với những tổ chức có chứng khoán được niêm yết, ngoài việc được hưởng các ưu đãi về thuế phù hợp với quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành còn được giảm 50% số

thuế TNDN phải nộp trong 2 năm tiếp theo kể từ khi niêm yết chứng khoán lần đầu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán

Theo Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với lĩnh vực chứng khoán. Theo đó thì:

+ Về thuế GTGT:

Tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán không chịu thuế GTGT đối với các hoạt động: Môi giới, tự doanh, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán và một số lĩnh vực khác được quy định tại điểm 1, mục II Thông tư 100/2004.

+ Về thuế TNDN:

Đối với cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư chứng khoán tại Việt Nam tạm thời chưa phải nộp thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ cổ tức, lãi trái phiếu, chênh lệch mua bán chứng khoán và các khoản thu nhập khác từ đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

Các đối tượng khác: được quy định tại mục III Thông tư 100/2004.

PHẦN V - CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn:

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Website: www.bsc.com.vn

Email: service@bsc.com.vn

Trụ sở: Tầng 10, toà nhà VINCOM A, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2200 668

Fax: (84-4) 2200 669

Chi nhánh BSC tại Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 9 – 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8218 883 – 8218 886

Fax: (84-8) 8218 510

2. Tổ chức kiểm toán:

Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO)

Địa chỉ: Lầu 11–Trung tâm thương mại Sài Gòn – 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: (84-8) 9100 751

Fax: (84-8) 9100 750

Công ty Kiểm toán PriceWaterHouseCooper

Địa chỉ: Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 823 0796

Fax: (84-8) 825 1947

PHẦN VI - CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Tình hình kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây (2002-2004) đạt mức tăng trưởng từ 7,1% - 7,7%. Thu nhập của người dân cũng luôn được cải thiện (*năm 2003 là 415 USD, năm 2004 là 545 USD, năm 2005 dự kiến 584 USD*). Điều này đã tác động tích cực đến sức mua trong nước, trong đó có ngành chế biến sữa. Thu nhập của người dân được nâng cao, người dân sẽ quan tâm hơn đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình, họ sẽ tăng chi tiêu cho việc tiêu dùng các sản phẩm giàu chất dinh dưỡng như sữa. Ngược lại, nếu như nền kinh tế tăng trưởng chậm, dẫn đến thu nhập của người dân giảm, lúc đó họ chỉ tập trung tài chính để chi tiêu cho các nhu yếu phẩm, điều này sẽ tác động đến sức tiêu thụ sữa trong nước, kéo theo sự giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro về thị trường

Thị trường nội địa

Việc Việt Nam gia nhập WTO sẽ là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp nước ngoài cùng ngành thâm nhập và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại Việt Nam. Đặc biệt, các công ty này thường có vốn lớn và được sự hỗ trợ của nước sở tại của họ thông qua các chính sách hỗ trợ xuất khẩu...

Bên cạnh đó, việc giảm thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các sản phẩm sữa ngoại nhập. Tuy nhiên, sản phẩm của Công ty vẫn có lợi thế cạnh tranh hơn do chất lượng sản phẩm sữa tương đương với sản phẩm sữa nhập khẩu trong khi giá bán cạnh tranh.

Thị trường xuất khẩu:

Trên 90% kim ngạch xuất khẩu của Công ty là thị trường Trung Đông, đặc biệt là Iraq. Trong khi đó, tình hình Iraq vẫn còn nhiều bất ổn. Do vậy, việc duy trì và phát triển thị trường này là một khó khăn tiềm ẩn. Tuy nhiên, trong môi trường bất ổn như hiện nay, Công ty vẫn duy trì được thị trường của mình thông qua những hợp đồng đã ký cho năm 2005 và 2006.

Để giảm bớt rủi ro vào thị trường khu vực Trung Đông, Công ty đã và đang mở rộng thị trường của mình sang Úc, Mỹ, Canada, Thái Lan ...

3. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ gặp những rủi ro về luật pháp như sau:

- Chính sách thuế xuất nhập khẩu khi Việt Nam gia nhập WTO và các tổ chức thương mại khác...
- Chính sách về an toàn thực phẩm đối với thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Các chính sách và quy định về nhãn hiệu hàng hóa...
- Các chính sách ưu đãi đầu tư...
- Luật doanh nghiệp và chứng khoán vẫn trong giai đoạn hoàn chỉnh.

4. Rủi ro về tỷ giá

Khoảng 50% nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là nhập khẩu và khoảng 30% doanh thu của Công ty là xuất khẩu. Do vậy, lượng tiền ngoại tệ giao dịch hàng năm của Công ty là khá lớn. Do đó, những biến động về tỷ giá đều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Để giảm bớt áp lực về nguyên vật liệu nhập khẩu cũng như giảm tối thiểu ảnh hưởng của tỷ giá. Công ty đang xây dựng và phát triển chiến lược nguồn nguyên liệu trong nước nhằm giảm dần tỷ trọng nguyên vật liệu nhập khẩu.

5. Rủi ro lãi suất

Hiện nay, lượng tiền mặt của Công ty luôn đáp ứng được nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, trong những năm tới Công ty sẽ sử dụng một phần nguồn vốn vay để tài trợ cho các dự án, do vậy, những biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Rủi ro về tính khả thi của các dự án đang xây dựng

Mục tiêu phát triển trong thời gian tới của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam là mở rộng quy mô, đa dạng hoá sản phẩm và trở thành một tập đoàn thực phẩm tại Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu này, Công ty đang tiến hành xây dựng thêm các nhà máy sữa, xây dựng các nhà máy sản xuất các sản phẩm mới như bia, café...

Thị trường bia:

Tại Việt Nam, thị trường bia là một trong những thị trường đang có sự cạnh tranh sôi động. Bia ngày càng trở thành thứ đồ uống thông dụng, với sức cầu không ngừng tăng lên, khiến cho nhiều nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực này. Sự bùng nổ thị trường bia trong một

vài năm gần đây minh chứng điều đó. Những nhà sản xuất bia đã và đang tiến hành nâng công suất như Tổng Công ty Bia Hà Nội, Công ty Bia Huế, Tổng Công ty Bia Sài Gòn, Công ty Bia Vinh... Bên cạnh đó một số tập đoàn lớn như Anheuser – Busch (Mỹ), Carlsberg (Đan Mạch), Heineken (Hà Lan) đang tìm các biện pháp tăng đầu tư vào các doanh nghiệp sản xuất bia.

Năm 2003, sản lượng bia của cả nước đạt 1,29 tỷ lít, đến năm 2004 đã vượt lên 1,37 tỷ lít. Dự báo thị trường bia sẽ đạt 2,5 tỷ lít vào năm 2010. Tuy nhiên, mức tiêu thụ bia bình quân đầu người tại Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước khác trong khu vực. Với mức tăng trưởng 10% mỗi năm, thị trường bia Việt Nam đang trở nên hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Thị trường cà phê:

Việt Nam hiện đứng thứ hai thế giới, sau Braxin, về xuất khẩu cà phê. Sản lượng cà phê của Việt Nam tăng nhanh, đạt 700.000 tấn/năm hiện nay với diện tích trồng cà phê là 500.000 héc-ta.

Cà phê Việt Nam hiện đang được tiêu thụ tại 60 nước trên thế giới, trong đó có những thị trường lớn như Mỹ, Đức, và đã bắt đầu được ưa chuộng tại thị trường các quốc gia láng giềng và khu vực Đông Âu. Xuất khẩu cà phê năm 2004 của Việt Nam đạt trên 550 triệu USD.

Như vậy thị trường bia và thị trường cà phê hiện có sức hấp dẫn cao, có khả năng mang lại hiệu quả cho Công ty.

Tuy nhiên, việc tham gia vào một lĩnh vực mới bao giờ cũng chứa đựng rủi ro. Chính vì vậy, Công ty dự định sẽ liên kết, hợp tác với một số công ty, tập đoàn lớn có kinh nghiệm sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực này để tăng khả năng cạnh tranh thông qua việc học tập kinh nghiệm điều hành, tiếp thị và phân phối, mở rộng khả năng hợp tác, giảm áp lực cạnh tranh trực tiếp, tăng khả năng xuất khẩu ...

PHẦN VII – PHỤ LỤC

Phụ lục I: Điều lệ Công ty

Phụ lục II: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết

Phụ lục III: Các báo cáo tài chính

Phụ lục IV:

Phụ lục V: Các tài liệu khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
(VINAMILK)**

**MAI KIỀU LIÊN
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ THÀNH LIÊM
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**